

THÔNG BÁO
Về việc tuyển sinh đào tạo trình độ Tiến sĩ đợt 1 năm 2019

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 4/4/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế đào tạo trình độ Tiến sĩ;

Trường Đại học Điện lực thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ Tiến sĩ đợt 1 năm 2019 như sau:

I. Các ngành tuyển sinh

1.1 Khối ngành kỹ thuật (V)

- Tổng chỉ tiêu: 11

- Các ngành gồm:

1.Ngành Quản lý năng lượng	Mã số: 9510602
2.Ngành Kỹ thuật điện	Mã số: 9520201
3.Ngành Công nghệ thông tin	Mã số: 9480201
4.Ngành Kỹ thuật điện tử	Mã số: 9520203
5.Ngành Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa	Mã số: 9520216
6.Ngành Kỹ thuật năng lượng	Mã số: thí điểm

1.2 Khối ngành kinh tế (III)

- Tổng chỉ tiêu: 2

- Các ngành gồm: Ngành Quản trị Kinh doanh Mã số: 9340101

II. Hình thức, phương thức tuyển sinh và thời gian đào tạo

2.1 Hình thức đào tạo và thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo chính qui, nghiên cứu sinh phải dành ít nhất 12 tháng theo học tập trung liên tục tại trường Đại học Điện lực trong 24 tháng đầu kể từ ngày có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

- Thời gian đào tạo: 3 năm đối với nghiên cứu sinh có bằng Thạc sĩ, 4 năm với nghiên cứu sinh có bằng Đại học.

2.2 Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

2.3 Địa điểm học: Tại trường Đại học Điện lực

III. Điều kiện dự tuyển nghiên cứu sinh (NCS)

Người dự tuyển đào tạo trình độ Tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

3.1 Đã tốt nghiệp Thạc sĩ hoặc tốt nghiệp Đại học loại giỏi về lĩnh vực phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển.

3.2 Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển. £



3.3 Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

b) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

c) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm b nêu trên khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải tiếng Anh; hoặc đáp ứng qui định tại điểm c nêu trên khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (Qui định Bảng tham chiếu trong Phụ lục 1) theo qui định tại điểm a nêu trên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

3.4 Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

IV. Hồ sơ dự tuyển

4.1 Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

a) Đơn xin dự tuyển (*theo mẫu*).

b) Lý lịch khoa học (*theo mẫu*).

c) Sơ yếu lý lịch (*theo mẫu*).

d) Giấy khám sức khỏe.

e) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ có chứng thực các văn bằng:

+ Bằng và bảng điểm tốt nghiệp Đại học;

+ Bằng và bảng điểm tốt nghiệp Thạc sĩ;

+ Bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ còn thời hạn;

(*Các văn bằng và bảng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt*)

f) Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học: Photo các công trình nghiên cứu khoa học.

g) Đề cương nghiên cứu (theo mẫu quy định): Nộp 05 bản đề cương

h) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị Tiến sĩ khoa học, Tiến sĩ đã tham gia hoạt

động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (theo mẫu).

i) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

k) 4 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên)

l) Các giấy tờ ưu tiên (nếu có)

4.2 Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ. Nhà trường không trả lại hồ sơ sau khi nộp.

V. Thời gian và địa điểm nhận hồ sơ tuyển sinh

5.1. Địa điểm phát hành và nộp hồ sơ xét tuyển: Tại phòng Đào tạo Sau Đại học - Phòng A405 - tầng 4 nhà A - Trường Đại học Điện lực - số 235 đường Hoàng Quốc Việt, Từ Liêm, TP.Hà Nội.

5.2. Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển: Trước ngày 10/5/2019

5.3. Lệ phí dự tuyển: 600.000đ/ứng viên

VI. Thời gian xét tuyển hồ sơ nghiên cứu sinh

Từ ngày 15/05/2019 đến 15/06/2019 (Kế hoạch cụ thể về xét tuyển hồ sơ Phòng ĐTSĐH sẽ cập nhật đến từng ứng viên NCS).

VII. Học phí

Học phí của chương trình đào tạo Tiến sĩ tại trường Đại học Điện lực được áp dụng chung cả 2 khối Kinh tế và Kỹ thuật: 25 triệu VNĐ/NCS/năm

Để biết thêm chi tiết vui lòng liên hệ:

PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Phòng A405, tầng 4, nhà A, Trường Đại học Điện lực - số 235 đường Hoàng Quốc Việt, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0916866996 (Đ/c Bùi Thị Phương, Phòng ĐTSĐH)

FAX : 02438.362065

Website (trường ĐHĐL): www.epu.edu.vn; www.tuyensinh.epu.edu.vn

Website (Phòng Đào tạo ĐHĐL) : www.dgs.epu.edu.vn/tuyensinh/tiensi

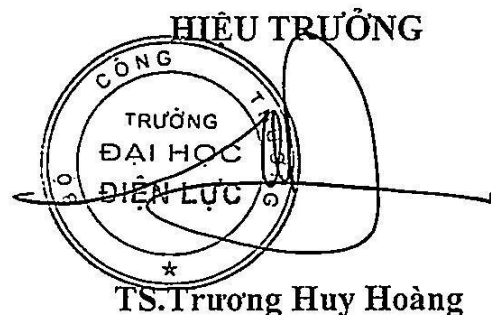
Email (Phòng Đào tạo ĐHĐL) : dgs@epu.edu.vn

Trường Đại học Điện lực trân trọng thông báo để những người có đủ điều kiện dự tuyển được biết, đăng ký và nộp hồ sơ dự tuyển đúng hạn./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục & Đào tạo (để b/c);
- Bộ Công thương (để b/c);
- Website trường ĐHĐL;
- Thí sinh dự tuyển;
- Lưu: VT; ĐHĐL.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Trương Huy Hoàng

PHỤ LỤC I
Bảng tham chiếu các chứng chỉ tiếng nước ngoài

STT	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45 - 93
2	IELTS	5 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe-Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 6
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-2

